

NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI HỌC DƯỚI ÁNH SÁNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XXVII ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ

V.N. IVANOV *

Việc đạt tới trạng thái mới về chất của xã hội chủ nghĩa Xô-viết trên cơ sở đẩy nhanh sự phát triển kinh tế- xã hội, biến đổi về căn bản tất cả các mặt của đời sống xã hội, đang đặt ra trước các nhà khoa học xã hội những nhiệm vụ quan trọng và phức tạp.

Nhưng trong báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô tại Đại hội Đảng lần thứ XXVII đã nêu rõ, sức sống của khoa học xã hội macxít- leninít là ở "sự trẻ trung muôn đời, trong khả năng phát triển không ngừng, khái quát một cách sáng tạo những sự kiện và hiện tượng mới, kinh nghiệm đấu tranh cách mạng và cải tạo xã hội" của nó.

Trọng trách đặc biệt của các nhà khoa học được quy định bởi những đặc điểm của giai đoạn phát triển bước ngoặt hiện nay của chúng ta, bởi tình huống đã hình thành ở trong nước và trên vũ đài quốc tế. Sự phát triển ấy tất yếu sẽ sinh ra mọi vấn đề và mâu thuẫn mới. Phát hiện chúng một cách kịp thời, nghiên cứu, tìm tòi sáng tạo những phương hướng và phương thức giải quyết một cách có hiệu quả là điều chủ yếu trong công tác của các nhà khoa học xã hội, trong đó có cả các nhà xã hội học.

Dưới ánh sáng những kết luận và Nghị quyết của Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, đang hiện rõ một số nhóm vấn đề thu hút sự chú ý đặc biệt của các nhà xã hội học. Trong số này, trước hết cần kể đến những vấn đề nâng cao vai trò của lĩnh vực xã hội và tăng cường nhân tố con người trong sản xuất xã hội, trong điều kiện phát triển sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

Việc đẩy nhanh sự phát triển xã hội chủ nghĩa, việc hiện thực hóa có hiệu quả hơn những khả năng tiềm tàng của xã hội cũng đòi hỏi phải sử dụng một cách tích cực hơn những hợp phần và nhân tố xã hội của sản xuất xã hội.

Nhiệm vụ đặt ra trước xã hội là soạn thảo quan niệm về cơ chế sử dụng những hợp phần và nhân tố xã hội ấy, một cơ chế có thể bảo đảm: thứ nhất, phối hợp giữa các lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân của những người tham gia vào quá trình sản xuất, tính đến những khác biệt và những mâu thuẫn không đối kháng giữa chúng nảy sinh một cách khách quan; thứ hai, phát triển tinh thần chủ động, tính tháo vát, tinh thần trách nhiệm ở mọi cấp độ sản xuất xã hội, đồng thời tăng cường nỗ lực nhằm hiện thực hoá các nguồn dự trữ hiện có; thứ ba, kịp thời ngăn chặn hoặc loại trừ những tình trạng căng thẳng, phức tạp, không phù hợp về mặt xã hội có thể xảy ra trong quá trình bảo đảm tăng tốc phát triển kinh tế.

Cơ chế ấy là bộ phận hợp thành về mặt xã hội của cơ chế quản lý kinh tế phức hợp. Việc xây dựng cơ chế ấy đòi hỏi phải nghiên cứu sâu sắc hàng loạt vấn đề kinh tế- xã hội then chốt.

Trong đó, trước hết phải nói tới việc nghiên cứu khoa học về những vấn đề hoàn thiện tất cả các hình thức kích thích, bảo đảm sự thống nhất và định hướng vào việc hiệu lực hoá những nhu cầu tất yếu xã hội trên cơ sở thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trong sự phát triển và nâng cao tính tích cực xã hội của tất cả các nhóm và tầng lớp người lao động, thì việc phân phối theo lao động đóng vai trò quan trọng nhất. Những hướng phát triển chính của phân phối theo lao động trong giai đoạn hiện nay được quy về hoàn thiện bản thân mức độ lao động, cũng như nâng cao tính hữu hiệu của kiểm tra xã hội đối với sự phù hợp giữa mức độ lao động và mức độ tiêu dùng. Cả tính hữu hiệu của việc kích thích làm việc có hiệu quả, lẫn việc củng cố những nguyên tắc công bằng xã hội đặc trưng cho chủ nghĩa xã hội cũng đều lệ thuộc vào điều đó.

Lôgic khách quan của việc chuyển sang con đường phát triển kinh tế chủ yếu theo chiều sâu quyết định những hướng tổng quát cơ bản của việc phát triển kích thích. Trước hết, đó là hướng khuyến khích vật chất nhằm vào hiệu suất và kết quả lao động cuối cùng, có tính đến việc những loại người lao động khác nhau không hề quan tâm như nhau đến lao động với những điều kiện và nội dung khác nhau. Ở đây, hệ thống thù lao không thể chỉ dựa trên cơ sở trả lương theo số lượng và chất lượng lao động cá nhân bỏ ra. Nó nhất thiết phải tính đến cả kết quả lao động tập thể. Cũng cần phải gắn chặt hơn quỹ xã hội của các xí nghiệp với hiệu quả hoạt động nhằm kích thích nhiều hơn nữa tính tích cực sản xuất của công nhân viên.

Đại hội đã nêu lên tính hợp lý của việc cho phép các xí nghiệp và các tập thể lao động tự chủ hơn nữa trong tổ chức sản xuất và trong kích thích bằng vật chất đối với lao động. Việc thực hiện hoá luận điểm này bị cản trở bởi những phức tạp do kết quả phát triển trong thời kỳ trước đây ("chủ nghĩa bình quân" trong trả lương lao động), cũng như do hậu quả của những hạn chế hiện nay đối với việc tăng mức chênh lệch về tiền lương.

Toàn bộ công tác cải tổ cơ chế quản lý kinh tế trong giai đoạn hiện nay phải được xây dựng trên cơ sở định hướng thẳng vào hậu quả xã hội của tất cả những quyết định thông qua trong quá trình phát triển theo chiều sâu cần được xem xét trước hết trên quan điểm động cơ hành vi kinh tế và xã hội của các chủ thể đó. Những lợi ích kinh tế và xã hội ấy không trùng hợp hoàn toàn về mọi mặt. Chẳng hạn, ở các Bộ và cơ quan ngang Bộ phải tiến hành giảm tổng số người làm việc và thậm chí phải tiến hành giải thể cả những khâu quản lý, thì các cán bộ sẽ quan tâm ít hơn những người khác đến việc cải tổ cơ chế quản lý kinh tế.

Vấn đề nâng cao vai trò của tiêu dùng trong kích thích tích cực sản xuất của người lao động giữ một vị trí quan trọng. Việc kích thích như vậy đòi hỏi phải đảm bảo sự lệ thuộc chặt chẽ hơn giữa mức tiêu dùng thực tế của người lao động với mức thu nhập được do phân phối theo lao động. Việc thực hiện thanh toán tốt và đầy đủ tiền lương cho người lao động có mục đích tạo ra những tác nhân dài hạn kích thích nâng cao các khoản thu nhập lao động. Cần phải tiếp tục xây dựng mô hình tiêu dùng xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở tính đến việc từng bước nâng cao những nhu cầu hợp lý

của các tầng lớp nhân dân khác nhau. Trong mô hình ấy, việc hình thành và thoả mãn những nhu cầu phát triển tiềm năng sáng tạo của con người sẽ chiếm một vị trí quan trọng.

Trong thứ bậc hiện nay về những giá trị xã hội con người và của xã hội chủ nghĩa, ý nghĩa của các khía cạnh chất lượng trong phúc lợi nhân dân thường xuyên tăng lên. Tuy nhiên, những khía cạnh này chỉ có thể được sử dụng với mức độ hạn chế trong hệ thống kích thích cá nhân người lao động. Điều quan trọng là phải tăng cường tác động kích thích của việc tăng chất lượng các phúc lợi đối với tính tích cực lao động trong quá trình làm phong phú nội dung lợi ích cá nhân của các thành viên xã hội và liên kết lợi ích giữa các tập thể xí nghiệp và các cộng đồng người theo lãnh thổ. Việc kết hợp một cách tối ưu giữa thưởng và phạt có ảnh hưởng to lớn đến những phương diện phát triển kinh tế- xã hội và chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa. Phải nói thẳng rằng vai trò của các hình thức phạt hiện vẫn còn hết sức không đáng kể. Trong khi đó, Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô đòi hỏi phải "tăng cường trách nhiệm vật chất và tinh thần đối với những thiếu sót và sai lầm trong công tác".

Đại hội đặc biệt nghiêm khắc khi đặt ra vấn đề công bằng xã hội. Nội dung của công bằng xã hội đang được làm phong phú thêm, mà trong điều kiện mới, nội dung đó đang kích thích mạnh mẽ hơn sự phát triển toàn diện, tính tích cực sáng tạo của nhân cách, tinh thần chủ động của các tập thể lao động như tạo điều kiện sử dụng một cách đầy đủ hơn năng lực của con người. Trước kia, về nhiều mặt, những nguyên tắc cơ bản của công bằng xã hội thực hiện trái với yêu cầu của quy luật kinh tế, điều này liên quan tới thực tiễn phân phối lại nguồn dự trữ giữa các ngành và các đơn vị lãnh thổ, mà không dựa một cách thích đáng vào khoa học. Còn giờ đây đang tạo ra điều kiện để thực hiện những nguyên tắc công bằng xã hội chủ yếu bằng con đường tính đến và thực hiện những yêu cầu của quy luật kinh tế và tuân theo những tiêu chuẩn kinh tế, nhờ những nguyên tắc phân phối theo lao động một cách chặt chẽ hơn.

Hiện nay đang nổi lên nhiệm vụ khắc phục những quan niệm truyền thống về phân phối bình quân được xem như là phân phối công bằng về mặt xã hội. Cần xác định một cách khoa học chặt chẽ những phạm vi và quy mô phân biệt có thể chấp nhận được về mặt xã hội, gắn liền với những chức năng kích thích kinh tế của phân hoá và với việc mở rộng những khả năng khách quan làm tăng sự cống hiến lao động của người lao động. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong giai đoạn hiện nay, nhất thiết phải tăng cường việc phân phối có phân biệt.

Cần tính đến những vấn đề không chỉ về loại trừ "chủ nghĩa bình quân" mà cả về thay đổi những tiêu chuẩn phân hoá thu nhập của các tầng lớp nhân dân, sự phân hoá ấy hiện giờ bị tách rời trong một chừng mực đáng kể khỏi sự phân hoá thật sự về cống hiến lao động của người lao động. Việc cải tổ trong lĩnh vực này dựa trên cơ sở tính đến một cách thực tế và triệt để những khác biệt trong cống hiến lao động, nhiều khi sẽ cho phép tăng cường vai trò kích thích của thu nhập lao động cả với những khuôn khổ phân hoá hiện hành. Tuy nhiên, việc thực hiện triệt để nguyên tắc phân

phối theo lao động sau này nhất thiết phải gắn liền với việc tăng cường phân hoá thu nhập của nhân dân.

Cần phải tiếp tục nghiên cứu khoa học về những vấn đề hoàn thiện hệ thống quyền hạn và bảo đảm xã hội cho người lao động bằng cách trả tiền và ưu đãi từ quỹ tiêu dùng xã hội. Trong điều kiện chuyển sang con đường phát triển nền kinh tế theo chiều sâu, cần phải chú ý nhiều hơn tới tiến trình phát triển mức sống của các tầng lớp nhân dân riêng lẻ mà vì những nguyên nhân khách quan nào đấy thu nhập có thể thấp hơn nhiều so với mức thu nhập trung bình. Ngoài ra, do nhu cầu tăng lên nhanh chóng (thường vượt trước những khả năng bảo đảm nguồn dự trữ cho những nhu cầu ấy, đặc biệt trong điều kiện kìm hãm nhịp độ tăng trưởng kinh tế), mức trả tiền và ưu đãi từ quỹ tiêu dùng xã hội không thể tăng lên theo đúng tỷ lệ như vậy.

Rõ ràng là, với mức sống của nhân dân đã đạt được, tất yếu phải tập trung quỹ tiêu dùng xã hội vào việc thoả mãn những nhu cầu xã hội quan trọng nhất, làm cho quỹ tiêu dùng xã hội thoát khỏi việc thực hiện những nhiệm vụ hoàn toàn có thể thực hiện được bằng cách huy động các phương tiện của nhân dân.

Hiện nay, vấn đề tương quan hợp lý giữa quỹ lương với quỹ tiêu dùng xã hội mang một ý nghĩa to lớn.

Một số nhà khoa học lưu ý rằng hệ thống bảo đảm xã hội đã hình thành đến nay tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển theo chiều rộng, còn trong điều kiện mới, những hình thức riêng lẻ của nó thậm chí có thể biến thành sức mạnh kìm hãm.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, cách giải quyết những vấn đề xã hội như vậy phải mang tính chất tổng hợp, toàn cục. Ở đây có liên quan đến việc xây dựng những chiến lược kinh tế - xã hội gắn bó qua lại với nhau, bao gồm những vấn đề như phát hiện và huy động các nguồn dự trữ sẵn có trong kinh tế quốc dân. Hiện nay, nhìn bề ngoài các hiện tượng xã hội thì rõ ràng có tình trạng thiếu lao động. Thế nhưng, nếu xem xét kỹ và toàn diện hơn thì sẽ thấy quả thật tình trạng này phần lớn là giả tạo, đó chẳng qua là hậu quả của các phương pháp phát triển bề rộng. Thực chất là tình trạng này bắt nguồn từ chỗ trong nhiều ngành kinh tế quốc dân chỉ đại học được năng suất lao động tương đối thấp, lao động thủ công và tay nghề kém còn chiếm một tỷ lệ cao (gần 50 triệu người), thêm vào đó, tại các xí nghiệp, cơ quan đang có những dự trữ nhân lực bất hợp pháp hợp lý về kinh tế và công nhân viên không quan tâm đến việc phấn đấu sao cho giảm người đi mà vẫn hoàn thành được khối lượng công tác được giao...

Cổ nhiên là không thể khắc phục được tình huống này nếu không chú ý hơn nữa tới những phương diện xã hội của nó. Chỉ có quán triệt được ý nghĩa và vị trí của những vấn đề xã hội, của lĩnh vực xã hội trong việc cải tổ toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế mới có thể đi tới những kết luận và quyết định đúng đắn đối với tất cả những người tham gia xây dựng kinh tế.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chính các nhà xã hội học phải chú ý trước hết những vấn đề xác định các hướng đi và xu thế phát triển chính của lĩnh vực xã hội, kết hợp lợi ích các giai cấp,

các tầng lớp và nhóm xã hội, các tập thể và các cá nhân dưới ánh sáng những nhiệm vụ chính sách xã hội của Đảng.

Báo cáo chính trị của Ủy ban trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã nhấn mạnh sự tất yếu phải có "cách nhìn mới về việc phát triển hơn nữa lĩnh vực xã hội, phải đánh giá đầy đủ ý nghĩa ngày càng tăng của nó".

Tại cuộc gặp gỡ những người lãnh đạo các phương tiện liên thông tin và tuyên truyền đại chúng, bàn về những nhiệm vụ hàng đầu xuất phát từ những Nghị quyết Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô, trong bài phát biểu của mình, đồng chí M.X.Gorbachev đã nhấn mạnh: "Nhìn chung, trong sự chăm lo tới con người, lĩnh vực xã hội phải đứng hàng đầu, ít nhất cũng phải đứng ngang hàng với sản xuất". Ở đây đã tích tụ lại không ít vấn đề vừa mang tính chất lý luận, vừa mang tính chất thực tiễn; cần phải khắc phục triệt để những lệch lạc của cách tiếp cận kỹ trị chủ nghĩa đã hình thành trong những năm gần đây làm giảm sự chú ý tới những vấn đề xã hội, điều này đã không thể không dẫn đến giảm nhẹ sự quan tâm của người lao động đối với kết quả lao động, làm suy yếu kỷ luật lao động và dẫn đến những hiện tượng tiêu cực khác. Tất cả những khía cạnh này được ghi nhận trong hàng loạt công trình nghiên cứu xã hội học.

Ngay hiện nay nhiều khi vẫn còn những ý định giải quyết các vấn đề kinh tế theo cách "trực tiếp", không tính đến lợi ích, tâm trạng, mức độ sẵn sàng của con người và của tập thể lao động đối với những hành động tương ứng. Để minh họa, có thể dẫn ra những sự việc đã được thông tin trên báo chí. Chẳng hạn, có lúc hệ số khu vực đối với tiền lương ở các vùng phía Bắc Sibir được nâng cao. Người ta cho rằng tình trạng cán bộ chuyển đi khỏi các vùng này là do mức lương thấp gây nên. Thế nhưng, trong thực tiễn, sau khi đã tăng lương, thời gian trung bình mà cán bộ ở lại miền Bắc lại giảm đi. Hoá ra phần phần lớn đến miền Bắc với ý định tích lũy một số tiền nhất định (để mua nhà, ô tô...), Mức lương mới đã giúp họ làm được điều đó mau chóng hơn... Một ví dụ thứ hai: di dân có kế hoạch từ các điểm dân cư nông thôn nhỏ đến trung tâm các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Người ta cho rằng biện pháp này sẽ kìm hãm dòng người chuyển đi quá nhiều khỏi nông thôn. Trong thực tế, quá trình đó lại được tăng cường đột ngột. Những người dân mà đảng nào cũng phải chuyển chỗ ở bắt đầu chuyển ra đô thị.

Do đó, một điều đặc biệt quan trọng là phải thống nhất nỗ lực giữa đại diện các ngành khoa học khác nhau trong việc nghiên cứu có hệ thống về những lợi ích và nhu cầu thực tại của các nhóm dân cư khác nhau.

Trong số những vấn đề quan trọng đang nổi lên trước các nhà khoa học xã hội và các nhà xã hội học có những vấn đề liên quan tới việc xây dựng hệ thống giáo dục liên tục do Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô vạch ra, tới việc cải tổ giáo dục đại học và

trung học chuyên nghiệp sắp tới, tới sự tất yếu phải hoàn thiện hệ thống đào tạo chuyên gia và sử dụng chuyên gia trong sản xuất.¹

Ở Liên Xô hiện nay có 894 trường Đại học và 4,5 nghìn trường trung cấp kỹ thuật và trường dạy nghề hằng năm đào tạo được hơn 2 triệu chuyên gia. Khoảng một nửa tổng số tiến sĩ và phó tiến sĩ làm việc trong các trường đại học, một phần ba số công trình nghiên cứu do các cơ quan khoa học trong nước được tiến hành tại đó. Dễ hiểu rằng ngày nay có rất nhiều điều tùy thuộc vào chất lượng của công tác ấy².

Thế nhưng, các phương hướng phát triển bề rộng vẫn đang chiếm ưu thế ngay trong lĩnh vực giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp. Số chuyên gia tốt nghiệp thường xuyên tăng lên (và không phải lúc nào cũng có căn cứ xác đáng), nhưng chất lượng đào tạo không được nâng cao.

Cách tiếp cận bản vị và địa phương chủ nghĩa trong đào tạo cán bộ làm cho tình hình càng trở nên trầm trọng.

Những dữ kiện nghiên cứu xã hội học đã nói lên những thiếu sót trong việc sử dụng các chuyên gia có bằng cấp. Cụ thể, đến 40% số sinh viên tốt nghiệp đại học và 50% số học sinh tốt nghiệp trung cấp bị sử dụng không đúng chuyên môn³. Cho đến nay vẫn chưa soạn thảo được những tiêu chuẩn khoa học xác định tổng số người cần thiết làm việc trong sản xuất và quản lý. Trong thực tiễn, điều đó dẫn tới tình trạng biên chế các khâu quản lý phình ra quá lớn, nhiều chuyên gia trẻ “định cư” tại đó, mặc dù đáng lẽ họ phải làm việc ở những vị trí thích hợp trong sản xuất.

Nhất thiết phải tiếp tục và tăng cường nghiên cứu về hiệu quả xã hội của những biện pháp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục, đặc biệt là của giáo dục chuyên nghiệp. Một điều hết sức quan trọng là phải thường xuyên tính đến những tâm thế giáo dục đã hình thành trong ý thức của các nhóm nhân dân khác nhau. Như kết quả của các công trình nghiên cứu xã hội học được tiến hành trong kế hoạch 5 năm lần thứ XI cho thấy rằng nhiều khi đi học đại học và trung học chuyên nghiệp chỉ là để theo đuổi những công việc có uy tín xã hội. Đối với một bộ phận thanh niên nhất định, trong các dự định sống của họ, việc học đại học không gắn liền với công việc bắt buộc theo đúng chuyên môn đã chọn.

¹. Đã tiến hành đánh giá “cấp độ trang bị trung bình cho giáo dục”, cấp độ này được xác định bằng tỷ số của giá trị quỹ giáo dục trên tổng số người làm việc. Việc đánh giá như vậy cho thấy rằng, trong suốt 20 năm, chi phí để tăng cường trang bị kỹ thuật cho lao động ở Liên Xô tăng hơn nhiều so với sự phát triển tiềm năng cán bộ của đất nước. Đặc trưng cho các nước công nghiệp mới phát triển khác là xu hướng ngược lại: quỹ giáo dục phát triển nhanh hơn vốn cơ bản. Cũng trong khoảng thời gian này, cấp bậc tay nghề trung bình của công nhân ngày càng thấp hơn so với cấp bậc yêu cầu của công việc (xem: *Nền kinh tế và tổ chức sản xuất, 1981, tr 17*). Tình hình ấy làm cho việc thường xuyên chú ý tới những vấn đề bảo đảm phù hợp giữa điều kiện phát triển kỹ thuật và trình độ chuyên môn của công nhân trở nên đặc biệt cần thiết.

². Xem báo *Sovetskaja kul'tura, 1985, 5 tháng sáu, bản tiếng Nga*.

³. Xem tạp chí *Politicheskoe sameobrazovanie 1985, số 9, tra 76, bản tiếng Nga*.

Trong báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô có nêu lên rằng việc phân tích những vấn đề quan hệ qua lại giữa các giai cấp, các nhóm xã hội mang một ý nghĩa quan trọng thiết yếu đối với Đảng Mácxít-Lêninnit⁴. Cân nhắc kỹ lưỡng trong chính sách của mình về tính đồng nhất lợi ích giữa các giai cấp, các nhóm xã hội và đặc điểm đặc trưng của chúng, Đảng Cộng sản Liên Xô bảo đảm sự thống nhất vững chắc của xã hội, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ quan trọng và phức tạp nhất của xã hội.

Giai cấp công nhân chiếm vị trí tiên phong trong xã hội Xô Viết. Nhờ vị trí trong hệ thống sản xuất xã hội chủ nghĩa, kinh nghiệm chính trị, tính tự giác và tính tổ chức cao, tính tích cực về lao động và chính trị, nên giai cấp công nhân đoàn kết được xã hội, đóng vai trò chủ chốt trong việc hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, khẳng định lối sống xã hội chủ nghĩa. Quan tâm thường xuyên đến việc củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức là nền tảng trong chính sách của Đảng Cộng sản Liên Xô. Chính ở đây đã đặt nền móng cho những khả năng to lớn để tập trung lực lượng nhằm thực hiện với nhịp độ tăng tốc các nhiệm vụ kinh tế và xã hội do Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra.

Nghiên cứu những quy luật và xu hướng hình thành cơ cấu không còn giai cấp của xã hội và tiến tới đồng nhất hoàn toàn về xã hội vẫn tiếp tục và hướng trung tâm của công tác nghiên cứu khoa học.

Đại hội đã dành sự chú ý đặc biệt to lớn tới những vấn đề xã hội của dân cư, đặt ra nhiệm vụ hoàn thiện một cách toàn diện các quá trình dân số và đã vạch ra những hướng nghiên cứu cụ thể cho các nhà khoa học làm việc trong lĩnh vực này. Do đó, tất yếu không chỉ phải nâng cao chất lượng những tiền đề vật chất khách quan của sự phát triển dân cư, mà còn phải tối ưu hóa những bộ phận hợp thành các quá trình dân số.

Để thực hiện hóa phương châm của Đại hội, cần tập trung nỗ lực trước hết làm sáng tỏ những nhân tố nâng cao sức khỏe của nhân dân, kéo dài tuổi thọ và hoạt động lao động, vấn đề phát triển dân số, nâng cao tỷ lệ sinh đẻ, tỷ lệ hôn nhân, giảm tỷ lệ ly hôn, vào những vấn đề chuyên môn hóa, phát triển thế hệ trẻ về tâm lý và thể lực, xây dựng tâm thế dân số cho thế hệ trẻ. Những vấn đề kết hợp giữa những chức năng sinh hoạt gia đình, sinh sản của phụ nữ với hoạt động sản xuất và xã hội, với việc nâng cao tính tích cực lao động và xã hội của những người nghỉ hưu, với sự phát triển dịch vụ sinh hoạt xã hội đối với họ và cả những vấn đề dân số - xã hội khu vực, bao gồm cả những vấn đề di dân, đặc biệt ở vùng Đất không đen, Trung Á, Đông Sibir và Viễn Đông, cũng như ở những vùng kinh tế mới, đều vẫn là những vấn đề bức thiết.

Cần phải làm sáng tỏ những khía cạnh tổng hợp và tình huống trong xu hướng tăng giảm số sinh, số tử ... Những biến đổi diễn ra đôi khi được coi là phá vỡ về căn bản những

⁴. Xem *Văn kiện Đại hội lần thứ XXVII...*, Sách đã dẫn, tr 50.

xu hướng chung. Cụ thể, trong những năm 1983-1985, tỷ lệ sinh đẻ đã tăng lên ở Liên Xô: số trẻ sơ sinh đã đạt tới gần 5,4 triệu so với 4,6-4,8 triệu vào cuối những năm 70⁵. Sự tăng lên này đúng ra chỉ mang tính nhất thời, nó là một “làn sóng dân số” sẽ có những hậu quả tương ứng trong tương lai.

Trong một chừng mực nhất định, sự tăng lên ấy do việc thực hiện những biện pháp của chính sách dân số được áp dụng năm 1981 gây ra. Việc áp dụng không đồng thời những biện pháp ấy trên toàn lãnh thổ đất nước đã dẫn tới chỗ đầu tiên tỷ lệ sinh đẻ tăng lên ở một số nước cộng hòa, rồi tăng lên ở các nước cộng hòa khác. Năm 1983, tỷ lệ sinh đẻ đặc biệt tăng lên ở Ngan, Ukaraïna và Belorussija, nhưng đến năm 1985, số trẻ sơ sinh ở các nước cộng hòa này lại giảm đi một chút, còn ở các nước cộng hòa phía Nam thì tăng lên. Những biến đổi tình huống trong tỷ lệ sinh đẻ đã không ảnh hưởng tới cơ cấu của các xu hướng chung.

Hiển nhiên, điều chủ yếu là ở chỗ phát hiện những xu hướng sâu xa, cho nên nhiệm vụ quan trọng nhất vẫn là nghiên cứu cơ chế quyết định các quá trình dân số và làm sáng tỏ mối liên hệ giữa chúng với bối cảnh xã hội rộng hơn. Ở đây, chúng ta đặt nhiều hy vọng vào việc nghiên cứu cơ chế xây dựng và điều chỉnh hành vi dân số với tính cách là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của hành vi xã hội nói chung.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII, dựa vào nghiên cứu về các dạng hành vi dân số khác nhau, các kiểu và chiến lược xây dựng chúng, cần phải soạn thảo những cơ sở khoa học và hướng dẫn thực tế để thực hiện chính sách dân số có hiệu quả trong toàn quốc và ở từng khu vực, có tính đến đặc điểm đặc trưng của các khu vực đó.

Xuất phát từ nhiệm vụ nâng cao tính tích cực của nhân tố con người trong việc tăng tốc nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc nghiên cứu những vấn đề hoàn thiện tiềm năng lao động có một tầm quan trọng to lớn. Nên thực hiện công tác nghiên cứu thăm dò điển hình một - hai tỉnh để sau này soạn thảo phương pháp định hình và tiến hành chu trình nghiên cứu ở cấp độ toàn Cộng hòa Liên Bang Nga. Dựa vào công trình nghiên cứu này, sẽ có thể soạn thảo được chương trình mục tiêu tổng hợp nhằm hoàn thiện tiềm năng dân số và lao động của đất nước.

Những vấn đề gắn liền với việc khảo sát tình hình ý thức xã hội và dư luận xã hội nói riêng cũng chiếm một vị trí quan trọng trong hoạt động nghiên cứu của xã nhà xã hội học.

Việc thực hiện hóa chiến lược đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước sẽ không thể có nghĩa nếu không tác động hướng đích đến ý thức của con người, nếu không xây dựng dư luận xã hội phù hợp với những nhiệm vụ cần thực hiện. Việc nghiên cứu dư luận xã hội một cách có hệ thống, tính toán và sử dụng dư luận xã hội trong những cải cách thực tiễn sẽ biến thành một trong những yếu tố chủ yếu để bảo đảm về khoa học và tư tưởng

⁵ Xem *Văn kiện Đại hội lần thứ XXVII...*, Sách đã dẫn, tr 50.

cho các phương châm có tính chất cương lĩnh của Đảng. Cho nên, sự chú trọng mọi phương diện hình thành dư luận xã hội nêu trong các văn kiện Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô là điều hợp quy luật.

Theo những phương châm trong Văn kiện Đại hội. Trung tâm nghiên cứu dư luận xã hội của Viện Nghiên cứu xã hội học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô đã hợp tác với các tổ chức khác để tiến hành hàng loạt cuộc điều tra phỏng vấn nhân dân trong nước về những vấn đề cấp bách như đấu tranh chống tệ say rượu và nghiện rượu, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng Đất không đen, tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô và nhiều vấn đề khác.

Dữ liệu nhận được đã trước hết chứng tỏ rằng những vấn đề trên đang được nhân dân rất quan tâm. Chẳng hạn, như vấn đề đấu tranh chống tệ say rượu và nghiện rượu. Điều tra dư luận ở các đô thị trung bình trong nước (khối lượng tập hợp chọn là 3.000 người) cho thấy rằng việc đấu tranh đã triển khai trong xã hội nhằm chống nạn xã hội này đang được đại đa số những người được hỏi ủng hộ (89%). Trong số đó, 49% ủng hộ hoàn toàn; 26% nhất trí với những biện pháp được áp dụng, nhưng cho rằng cần phải nghiêm ngặt hơn nữa; 14% tán thành những biện pháp được áp dụng, nhưng cho rằng phải nói nhẹ hơn. Mọi người cho rằng cuộc đấu tranh vì một lối sống tinh tảo trong các tập thể lao động diễn ra có hiệu quả: 50%, và kém kết quả hoặc còn yếu: 30%. Ở đô thị có một tương quan ngược lại đặc trưng cho thành công của việc thực hiện những biện pháp chống nghiện rượu. Có ý kiến cho rằng đấu tranh chống tệ say rượu ở cấp độ đô thị được tiến hành có kết quả: 31% số người được hỏi, còn kém kết quả hoặc còn yếu: 57%. Một khía cạnh tích cực cần chỉ ra là, theo tự đánh giá. 38% số người được hỏi đã giảm tiêu dùng rượu hoặc đã ngừng hẳn uống rượu. Viện nghiên cứu cũng cho thấy rằng một trong những trở ngại nghiêm trọng trong việc khắc phục tệ say rượu là những truyền thống và phong tục “uống rượu” ăn mừng các sự kiện trong đời sống cá nhân và xã hội.

Cách đặt vấn đề dư luận xã hội trên nhiều bình diện tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô đòi hỏi phải chú ý nhiều hơn tới việc giải quyết những vấn đề lý luận - phương pháp luận về tìm hiểu dư luận xã hội. Việc cải tổ đời sống xã hội, định hướng lại ý thức xã hội đòi hỏi phải biết đến tác động qua lại phức tạp tồn tại giữa những khía cạnh riêng lẻ của thực tại và chủ thể của dư luận xã hội, làm rõ những đặc điểm của các cơ chế tâm lý, cơ chế tâm lý - xã hội và cơ chế xã hội trong việc hình thành dư luận xã hội.

Rõ ràng là việc nghiên cứu thực nghiệm về dư luận xã hội trong mọi phương diện đa dạng của nó (biểu hiện, hình thành, thể hiện trong thực tiễn) phải xuất phát từ một thực tại hiển nhiên là dư luận xã hội được hình thành dưới ảnh hưởng của cả một tập hợp những điều kiện khác nhau hay, đúng hơn, của hai dãy nhân tố quyết định bên ngoài và bên trong. Ở đây, những ý kiến cá nhân riêng lẻ và tác động, hành vi là gắn liền không phải với những tác

động riêng lẻ tồn tại cách biệt, mà với một hệ thống tác động, không phải với những sự kiện riêng lẻ, mà với một hệ thống sự kiện hoặc với các tình huống. Kết luận này là hết sức quan trọng cả đối với nghiên cứu xã hội học về dư luận xã hội vốn không phải là tổng các ý kiến, tuy nó vẫn bắt nguồn từ ý kiến của các cá nhân riêng lẻ. Về vấn đề này, việc làm sáng tỏ những đặc điểm tác động hay đúng hơn là vai trò của quá trình thông tin - tuyên truyền trong xây dựng dư luận xã hội một cách hướng đích là hết sức đáng quan tâm. Hiệu quả của công tác tư tưởng, giáo dục - chính trị tùy thuộc về nhiều mặt vào điều này.

Cần phải đẩy mạnh các công tác trong lĩnh vực dự báo xã hội, đặc biệt là soạn thảo những dự báo mang tính chất xã hội học. Công tác này có ý nghĩa nguyên tắc, bởi vì nó cho phép tạo ra được những cơ sở lý luận để chuyển dự báo xã hội từ cấp độ trước đây nhiều khi chỉ cố gắng tiên đoán diễn biến của những quá trình chịu biến dạng bởi các phương tiện quản lý, tiến lên cấp độ cao hơn về chất là phát hiện những vấn đề tương lai giải quyết được bằng các phương tiện quản lý rồi sau xác định cách thức tối ưu để giải quyết chúng. Ở đây đề cập tới cái gọi là dự báo tìm tòi và chuẩn mực cho phép nâng cao một cách đáng kể mức độ khách quan và, do đó, nâng cao cả mức độ hiệu suất của các chương trình dự án, quyết định quản lý hiện tại. Có lẽ không cần phải nói thêm rằng tất cả những điều đó là quan trọng biết chừng nào dưới ánh sáng những yêu cầu của Đại hội Đảng lần thứ XXVII về sự cần thiết phải dự báo kinh tế và xã hội có cơ sở vững chắc.

Trong suốt kế hoạch 5 năm lần thứ XI, các nhà xã hội học của Viện nghiên cứu xã hội học thuộc Viện Hàn Lâm khoa học Liên Xô đã tiến hành nghiên cứu chuyên khảo phức hợp về những vấn đề để dự báo tìm tòi xã hội. Trong đó, các nhà xã hội học đã làm sáng tỏ những đặc thù của việc soạn thảo dự báo về sự chín muồi và vượt qua các tình huống xã hội có vấn đề. Công trình nghiên cứu được hạn định ở cách đặt vấn đề có tính chất lý luận: bước đầu hệ thống hóa những vấn đề xã hội tương lai của xã hội Xô-Việt. Về thực chất, dù chỉ hết sức gần đúng, đã soạn thảo được những dự báo tìm tòi cụ thể mang tính chất lâu dài liên quan tới những biến đổi có thể xảy ra trong cơ cấu xã hội của xã hội Xô-việt, trong hệ thống nhu cầu xã hội của các nhân và xã hội, trong lĩnh vực tổ chức xã hội và quản lý, trong cơ cấu thời gian và môi trường sống của xã hội, trong lĩnh vực tổ chức lao động, gia đình và sinh hoạt, các cơ quan giáo dục quốc dân và văn hóa.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ VII, đã bắt đầu tiến hành một công tác tương tự về dự báo chuẩn mực xã hội. Trọng tâm là những phương hướng có thể để đạt tới những mục tiêu xã hội trong lĩnh vực lao động và sinh hoạt, giáo dục và y tế, các cơ quan văn hóa và môi trường sống của xã hội. Về từng phương diện đó, người ta đang soạn thảo chi tiết những dự báo chuẩn mực cụ thể mang tính chất dài hạn.

Như đã biết, sản phẩm cuối cùng của dự báo tìm tòi là “cây” những vấn đề xã hội. Trái lại, dự báo chuẩn mực bắt đầu từ “cây” những mục tiêu xã hội được đặt ra từ trước theo

những tiêu chuẩn đã biết trước, và kết thúc bằng việc xác định các cách thức đại tới những mục tiêu ấy, nghĩa là bằng việc làm sáng tỏ những trạng thái tối ưu nào đây của các quá trình được nghiên cứu. Điều này đã dẫn tới ý niệm trình bày những trạng thái tối ưu ấy dưới hình thức những dự án xã hội cụ thể, hay đúng hơn là những dự án đổi mới về mặt xã hội tương ứng với việc đạt tới trạng thái tối ưu này hoặc trạng thái tối ưu kia. Ý niệm ấy đã được thể hiện cụ thể trong sự phát triển hướng nghiên cứu mới: thiết kế dự báo xã hội, triển khai theo sáng kiến của Ban. Triết học và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô cách đây một năm rưỡi và đã tập hợp lực lượng các nhà khoa học của nhiều Viện kể cả ở ngoài Ban Triết học và Pháp luật. Sáng kiến nói trên đã được ủng hộ tại Thành ủy Moskva, hơn nữa, với sự nhất trí của Thành ủy, khu vực Moskva đã được chọn làm đối tượng thiết kế dự báo xã hội.

Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô đã yêu cầu các nhà khoa học xã hội, trong đó có các nhà xã hội học, phải chuyển hướng thật mạnh mẽ sang những vấn đề thực tiễn đã chín muồi về phát triển xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa, tìm kiếm phương hướng và phương thức khắc phục các quá trình và hiện tượng tiêu cực (thu nhập phi lao động, thái độ thờ ơ đối với sở hữu xã hội chủ nghĩa, bệnh quan liêu, ...), mà muốn thế các nhà khoa học phải thường xuyên quan tâm nâng cao hiệu quả và khả năng đóng góp thực tế của các công trình nghiên cứu.

Do vậy, vấn đề sử dụng kết quả nghiên cứu xã hội học có tính cấp bách đặc biệt. Nó còn là bức thiết, bởi vì cho đến nay vẫn chưa giải quyết được nhiều vấn đề lý luận, phương pháp và tổ chức liên quan tới việc soạn thảo và áp dụng thực tiễn những hướng dẫn của các nhà xã hội học, tới việc xây dựng tư duy xã hội học (tương tự như tư duy kinh tế) cho các cán bộ lãnh đạo các cấp.

Cần lưu ý rằng có hai phạm trù gần nhau, nhưng không trùng hợp về nội dung đáng để chúng ta quan tâm trong bối cảnh vấn đề đang xét. Đó là “sử dụng kết quả nghiên cứu” và “áp dụng các kiến nghị vào thực tiễn”. Phạm trù đầu rộng hơn nhiều so với phạm trù sau. Phạm vi sử dụng kết quả nghiên cứu hết sức rộng lớn. Đó là cả những tài liệu công bố cũng như sử dụng trong các báo cáo, thông báo khoa học, trong giảng dạy, tuyên truyền miệng, trong các luận án Ứng dụng là bảo đảm đổi mới trong thực tiễn trên cơ sở kết quả và kết luận của nghiên cứu xã hội học, là chuyển tiếp từ tri thức sang hành động trên cơ sở tri thức.

Về vấn đề này, ngày nay điều gì đang làm chúng ta lo ngại nhất?

Đó là mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu xã hội học, kể cả mức độ áp dụng các kiến nghị vào thực tiễn, rõ ràng còn thấp.

Ở đây có những nguyên nhân khác nhau.

Thứ nhất, do không phù hợp về tổ chức trong các quan hệ giữa người đặt hàng và người thực hiện. Nếu nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở hợp đồng, những giao ước nói

chung đều không ghi rõ các điểm cụ thể quy định hoạt động của người đặt hàng về sử dụng kết quả nghiên cứu xã hội học. Người đặt hàng muốn sử dụng kết quả ấy thế nào tùy thích.

Các kiến nghị thực tiễn và quyết định quản lý có điểm chung ở chỗ cả hai đều đòi hỏi phải có những biến đổi hướng đích nào đấy đối với hiện trạng. Nhưng nếu quyết định quản lý mang tính chất bắt buộc và bởi vậy nó không thể không được tính đến trong hoạt động thực tiễn của nhà lãnh đạo, thì các kiến nghị có thể bị bỏ quên một cách mau chóng và không bị xử phạt.

Trong trình tự các giai đoạn nghiên cứu xã hội học thì bước soạn thảo các kiến nghị thực tiễn là giai đoạn kết thúc.

Cũng chính trong giai đoạn này, những vấn đề quan hệ qua lại giữa người thực hiện và người đặt hàng nổi lên đặc biệt gay gắt.

Thứ hai, do chất lượng của bản thân các kiến nghị, tính chất hời hợt, quá trừu tượng của các kiến nghị, không rõ đối tượng, không có thời gian, không có hiệu quả dự kiến, không tính hết khả năng thực tại về kinh tế, tài chính, nhân lực... của từng xí nghiệp, liên hợp xí nghiệp, khu vực.

Vì sao lại diễn ra như vậy? Bởi vì trong giai đoạn soạn thảo các kiến nghị không có tác động qua lại cần thiết với các cơ quan Đảng, Xô-viết và quản lý kinh tế với các chuyên gia thuộc lĩnh vực tri thức khác.

Cũng cần phải tính đến cả những khả năng có tính nguyên tắc, bộ máy công cụ khoa học của xã hội học trong một giai đoạn phát triển nhất định của khoa học xã hội học. Không nghi ngờ gì nữa là những chuyên ngành của xã hội học có cấp độ nghiên cứu khác nhau. Có những chuyên ngành hiện nay đã có tham vọng trở thành một bộ phận độc lập tương đối: đó là xã hội học lao động, xã hội học các phương tiện thông tin đại chúng, xã hội học giáo dục, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn, xã hội học thanh niên....

Hiện nhiên sự am hiểu nghiệp vụ của các tập thể khoa học đảm nhận trách nhiệm giải quyết những vấn đề xã hội phức tạp cũng có ảnh hưởng.

Trình độ am hiểu khoa học và nghiệp vụ không cao dẫn tới vô số những sai sót trong các giai đoạn nghiên cứu xã hội học khác nhau. Những thiếu sót trong hệ phương pháp thu thập thông tin dẫn tới hạ thấp độ chính xác và tin cậy của thông tin. Tiếp theo, sẽ dẫn tới những sai lầm trong việc lý giải, phát hiện các mối liên hệ nhân quả. Tất cả những cái đó không thể ảnh hưởng đến chất lượng của các kiến nghị.

Không có tham vọng trình bày đầy đủ phương pháp áp dụng các kiến nghị, chúng tôi muốn dừng lại ở những khía cạnh sau đây.

Rõ ràng rằng ngay giờ đây, khi khái quát những quan điểm và cách tiếp cận hiện tại, có thể xác định được một cái gì đấy khá bền vững, và nói một cách hình tượng là tạo nên mô

hình áp dụng các kiến nghị. Có tính đến tính chất của các công trình nghiên cứu và của hệ vấn đề, mô hình ấy có thể sẽ bao gồm những yếu tố hoặc giai đoạn sau:

1. Đánh giá khả năng áp dụng (về kinh tế, tổ chức, cán bộ...).
2. Chọn phương án tối ưu.
3. Xây dựng kế hoạch - chương trình áp dụng.
4. Chuẩn y kế hoạch - chương trình đó trên quy mô cục bộ.
5. Thực hiện đầy đủ kế hoạch - chương trình đó.
6. Đánh giá hiệu quả.
7. Hiệu chỉnh bản thân các kiến nghị.

Hiển nhiên, sơ đồ này có tính chất ước lệ, nhưng trong đó có cách tiếp cận mang tính chất hệ phương pháp.

Sẽ không thể tìm hiểu sâu sắc về những quy luật phát triển của lĩnh vực xã hội không thể dự báo được những xu hướng phát triển của lĩnh vực xã hội nếu không hoàn thiện toàn bộ kho tàng hệ phương pháp nghiên cứu xã hội học, giải quyết hàng loạt những vấn đề tổ chức - kỹ thuật để bảo đảm quá trình nghiên cứu.

Mặc dù đã có kinh nghiệm đáng kể về nghiên cứu thực nghiệm trong xã hội học, rõ ràng vẫn chưa nghiên cứu được đầy đủ về những khả năng nhận thức của hệ phương pháp tập hợp dữ kiện, những quy luật và cơ chế tác động qua lại giữa ý thức xã hội và ý thức nhóm, đặc tính cá nhân, định hướng giá trị và ý kiến của người được hỏi với cơ cấu giá trị chuẩn mực của ý thức người nghiên cứu, người phỏng vấn, thu thập thông tin và những đặc tính khác nhau của bộ máy công cụ nghiên cứu, chẳng hạn như bảng câu hỏi. Phân tích phương pháp luận và thực nghiệm cụ thể về cơ cấu và tác động qua lại của các yếu tố kể trên sẽ cho phép tăng cường một cách đáng kể những khả năng nhận thức (gợi mở) của xã hội học. Nhiệm vụ này hết sức quan trọng cả trên bình diện ứng dụng, bởi vì việc giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng của dữ liệu xã hội học tùy thuộc vào việc thực hiện nhiệm vụ đó. Điều đó có ý nghĩa đặc biệt trong thời kỳ phát triển hiện tại của khoa học xã hội học là việc nghiên cứu một khía cạnh của vấn đề kể trên, khía cạnh phương pháp luận và hệ phương pháp nghiên cứu xã hội học so sánh. Đối với Liên Xô, đất nước có những đặc thù khu vực đáng kể, cách đặt vấn đề như vậy cũng có giá trị hướng dẫn thực tiễn cụ thể.

Một phương diện nghiên cứu quan trọng về phương pháp hệ là soạn thảo những phương pháp và mô hình phân tích toán học đối với dữ liệu nhận được. Như đã biết, trong xã hội học, đó là một vấn đề chuyên môn, nhưng cả chiều sâu của những kết luận rút ra tính chất tác nghiệp và tính kinh tế của quá trình nghiên cứu cũng đều tùy thuộc vào vấn đề tiến bộ giải quyết vấn đề ấy. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ XI, trong hướng này đã đạt được những thành tựu nhất định về các phương diện lý luận và ứng dụng: đã công bố một số chuyên khảo được giới khoa

học đánh giá cao, đã áp dụng việc đảm bảo chương trình máy tính điện tử do viện nghiên cứu xã hội học Liên Xô soạn thảo tại một loạt trung tâm xã hội học trong nước. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII, cần nghiên cứu sâu hơn nữa theo hướng này.

Nghiên cứu kịp thời những vấn đề lý luận – phương pháp luận và những vấn đề về phương pháp của khoa học xã hội học là điều kiện không thể thiếu để thực hiện thành công nhiệm vụ phức tạp và đa dạng do thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản đặt ra trước khoa học xã hội học.